

## HS 9836.40 detail

|                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|----------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>HS code</b>             | 9836.40                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| <b>Description</b>         | Khung găm đã gắn động cơ, có buồng lái (xe ô tô sát xi, có buồng lái), có tổng trọng lượng có tải trên 20 tấn nhưng không quá 45 tấn. / - Cửa xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa: / - - Cửa loại khác, có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng tia lửa điện: / - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 20 tấn nhưng không quá 24 tấn: |
| <b>Unit</b>                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| <b>Generated</b>           | 30/10/2026 09:02:00                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| <b>Data version</b>        | 2026.04.05 - BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| <b>Verification status</b> | Tariff data checked against the source file; advice/mappings are indicative; FTA eligibility not verified.                                                                                                                                                                                                                                           |
| <b>Link</b>                | <a href="https://vietnamtariff.com/hs-code/983640/">https://vietnamtariff.com/hs-code/983640/</a>                                                                                                                                                                                                                                                    |

### 12 tariff lines under 9836.40

| HS code    | Description                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Unit | Ordinary import duty | MFN | VAT     |
|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|----------------------|-----|---------|
| 9836.40.10 | Khung găm đã gắn động cơ, có buồng lái (xe ô tô sát xi, có buồng lái), có tổng trọng lượng có tải trên 20 tấn nhưng không quá 45 tấn. / - Cửa xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa: / - - Cửa loại khác, có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng tia lửa điện: / - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 20 tấn nhưng không quá 24 tấn: / - - - - Ô tô đông lạnh                                |      | 27%                  | 18% | No data |
| 9836.40.10 | Khung găm đã gắn động cơ, có buồng lái (xe ô tô sát xi, có buồng lái), có tổng trọng lượng có tải trên 20 tấn nhưng không quá 45 tấn. / - Cửa xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa: / - - Cửa loại khác, có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng tia lửa điện: / - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 20 tấn nhưng không quá 24 tấn: / - - - - Ô tô đông lạnh                                |      | 27%                  | 18% | No data |
| 9836.40.20 | Khung găm đã gắn động cơ, có buồng lái (xe ô tô sát xi, có buồng lái), có tổng trọng lượng có tải trên 20 tấn nhưng không quá 45 tấn. / - Cửa xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa: / - - Cửa loại khác, có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng tia lửa điện: / - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 20 tấn nhưng không quá 24 tấn: / - - - - Ô tô thu gom phế thải có bộ phận nén phế thải |      | 27%                  | 18% | No data |
| 9836.40.20 | Khung găm đã gắn động cơ, có buồng lái (xe ô tô sát xi, có buồng lái), có tổng trọng lượng có tải trên 20 tấn nhưng không quá 45 tấn. / - Cửa xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa: / - - Cửa loại khác, có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng tia lửa điện: / - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 20 tấn nhưng không quá 24 tấn: / - - - - Ô tô thu gom phế thải có bộ phận nén phế thải |      | 27%                  | 18% | No data |

| HS code    | Description                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Unit | Ordinary import duty | MFN | VAT     |
|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|----------------------|-----|---------|
| 9836.40.30 | Khung gầm đã gắn động cơ, có buồng lái (xe ô tô sát xi, có buồng lái), có tổng trọng lượng có tải trên 20 tấn nhưng không quá 45 tấn. / - Cửa xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa: / - - Cửa loại khác, có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng tia lửa điện: / - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 20 tấn nhưng không quá 24 tấn: / - - - - Ô tô xi téc; ô tô chở xi măng kiểu bồn   |      | 27%                  | 18% | No data |
| 9836.40.30 | Khung gầm đã gắn động cơ, có buồng lái (xe ô tô sát xi, có buồng lái), có tổng trọng lượng có tải trên 20 tấn nhưng không quá 45 tấn. / - Cửa xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa: / - - Cửa loại khác, có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng tia lửa điện: / - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 20 tấn nhưng không quá 24 tấn: / - - - - Ô tô xi téc; ô tô chở xi măng kiểu bồn   |      | 27%                  | 18% | No data |
| 9836.40.40 | Khung gầm đã gắn động cơ, có buồng lái (xe ô tô sát xi, có buồng lái), có tổng trọng lượng có tải trên 20 tấn nhưng không quá 45 tấn. / - Cửa xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa: / - - Cửa loại khác, có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng tia lửa điện: / - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 20 tấn nhưng không quá 24 tấn: / - - - - Ô tô bọc thép để chở hàng hóa có giá trị |      | 15%                  | 10% | No data |
| 9836.40.40 | Khung gầm đã gắn động cơ, có buồng lái (xe ô tô sát xi, có buồng lái), có tổng trọng lượng có tải trên 20 tấn nhưng không quá 45 tấn. / - Cửa xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa: / - - Cửa loại khác, có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng tia lửa điện: / - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 20 tấn nhưng không quá 24 tấn: / - - - - Ô tô bọc thép để chở hàng hóa có giá trị |      | 15%                  | 10% | No data |
| 9836.40.50 | Khung gầm đã gắn động cơ, có buồng lái (xe ô tô sát xi, có buồng lái), có tổng trọng lượng có tải trên 20 tấn nhưng không quá 45 tấn. / - Cửa xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa: / - - Cửa loại khác, có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng tia lửa điện: / - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 20 tấn nhưng không quá 24 tấn: / - - - - Ô tô chở bùn có thùng rời nâng hạ được   |      | 27%                  | 18% | No data |
| 9836.40.50 | Khung gầm đã gắn động cơ, có buồng lái (xe ô tô sát xi, có buồng lái), có tổng trọng lượng có tải trên 20 tấn nhưng không quá 45 tấn. / - Cửa xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa: / - - Cửa loại khác, có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng tia lửa điện: / - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 20 tấn nhưng không quá 24 tấn: / - - - - Ô tô chở bùn có thùng rời nâng hạ được   |      | 27%                  | 18% | No data |
| 9836.40.90 | Khung gầm đã gắn động cơ, có buồng lái (xe ô tô sát xi, có buồng lái), có tổng trọng lượng có tải trên 20 tấn nhưng không quá 45 tấn. / - Cửa xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa: / - - Cửa loại khác, có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng tia lửa điện: / - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 20 tấn nhưng không quá 24 tấn: / - - - - Loại khác                                |      | 45%                  | 30% | No data |
| 9836.40.90 | Khung gầm đã gắn động cơ, có buồng lái (xe ô tô sát xi, có buồng lái), có tổng trọng lượng có tải trên 20 tấn nhưng không quá 45 tấn. / - Cửa xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa: / - - Cửa loại khác, có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng tia lửa điện: / - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 20 tấn nhưng không quá 24 tấn: / - - - - Loại khác                                |      | 45%                  | 30% | No data |

This report is for reference, generated from the source tariff data and advisory rules. It is not a customs decision and does not confirm HS classification, FTA eligibility or legal validity. Users must verify against current legislation.